

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 09/2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách hỗ trợ việc tang
đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 2589/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ việc tang đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ việc tang đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Dương (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 64/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII (kỳ họp thứ 3) về hỗ trợ chi phí lễ tang đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Phạm Văn Cảnh

Phụ lục
VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VIỆC TANG
ĐỐI VỚI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND
ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Ngoài các chính sách quy định của Trung ương, các đối tượng sau đây khi từ trần thì thân nhân hoặc người tổ chức mai táng được Tỉnh hỗ trợ thêm, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chi phí lễ tang	
Nhóm đối tượng	Mức hỗ trợ chi phí lễ tang
<p>a. Nhóm đối tượng 1 (người đương chức hoặc nghỉ hưu) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bí thư Tỉnh uỷ, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng; - Phó Bí thư Tỉnh uỷ; - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; - Cán bộ cấp cao của Trung ương nghỉ hưu; - Cán bộ quân đội, công an có cấp hàm từ Thiếu tướng trở lên; - Các nhà hoạt động xã hội, hoạt động văn hóa, các nhà nghiên cứu khoa học tiêu biểu được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên. 	<p>35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).</p>
<p>b. Nhóm đối tượng 2 (người đương chức hoặc nghỉ hưu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (ngoài các đối tượng đã nêu tại Nhóm đối tượng 1); - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; - Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Chức danh theo Quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003); - Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (gọi tắt là cán bộ lão thành cách mạng) đã được công nhận; 	<p>30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).</p>

<p>- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.</p>	<p>c. Nhóm đối tượng 3 (người đương chức hoặc nghỉ hưu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh ủy (ngoài các đối tượng đã nêu tại Nhóm đối tượng 1 và Nhóm đối tượng 2); - Giám đốc, Phó giám đốc sở; Trưởng, Phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng 1, 2 hoặc hạng đặc biệt (do tỉnh bổ nhiệm); - Bí thư, Phó bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố (Chức danh theo Quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố; Ủy viên Ban chấp hành Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; - Chuyên viên cao cấp; Cán bộ Công an, Quân đội, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy có cấp hàm Thượng tá, Đại tá; - Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (gọi tắt là cán bộ tiền khởi nghĩa) đã được công nhận; Đảng viên được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên; - Các đối tượng được phong tặng danh hiệu: Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân. 	<p>25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).</p>
<p>d. Nhóm đối tượng 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện (ngoài các đối tượng đã nêu tại Nhóm đối tượng 1, Nhóm đối tượng 2, Nhóm đối tượng 3); - Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, người đang hưởng lương thuộc lực lượng vũ trang cấp tỉnh, cấp huyện; - Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (đương chức); - Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm các cấp (ngoài các đối tượng đã nêu tại Nhóm đối tượng 1, Nhóm đối tượng 2, Nhóm đối tượng 3). - Các đối tượng được phong tặng danh hiệu: Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú; - Đảng viên được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng; các đối tượng đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng ở địa phương (trừ các đối tượng trước khi nghỉ hưu, mất sức lao động là người làm việc trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hoặc các doanh nghiệp). 	<p>20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).</p>	<p>20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).</p>

<p>- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng (kể cả vợ hoặc chồng liệt sĩ tái giá đang hưởng trợ cấp hàng tháng); người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; cán bộ hoạt động kháng chiến; thanh niên xung phong đã hưởng trợ cấp thanh niên xung phong; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Những người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và Quyết định 613/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động do Bảo hiểm xã hội quản lý và chi trả (chỉ áp dụng với người lao động trước đây công tác trong khối hành chính, sự nghiệp);</p> <p>- Những người hưởng trợ cấp theo các Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế.</p>	<p><i>đ. Trong trường hợp một đối tượng được hưởng nhiều mức hỗ trợ lễ tang khác nhau thì chỉ được áp dụng một mức chi hỗ trợ lễ tang cao nhất.</i></p>
<p>2. Hỗ trợ chi phí lễ viếng</p>	
<p>Đoàn viếng</p>	<p>Mức chi</p>
<p>a. Đoàn lãnh đạo của Tỉnh viếng.</p>	<p>Không vượt quá 3.000.000 đồng</p>

	(Ba triệu đồng).
b. Đoàn lãnh đạo của huyện, thị xã, thành phố viếng.	Không vượt quá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
c. Đoàn lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố viếng.	Không vượt quá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
d. Đoàn lãnh đạo của xã, phường, thị trấn viếng.	Không vượt quá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
<p>đ. Ngoài chi phí lễ viếng quy định các Đoàn lãnh đạo đi viếng nêu trên, Ban tổ chức lễ tang tỉnh và huyện, thị xã, thành phố được phép chi mua sắm không quá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Ban tổ chức lễ tang của xã, phường, thị trấn được chi mua sắm không quá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).</p>	
<p>Từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.</p>	

3. Kinh phí thực hiện